CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Miền Đông

Ngày 31/12/2025	26,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	21.8%	**57.6%**	**104.6**

DT thuần
Q4/25
115
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 55.0| 92.3%
YoY: ▲ 45.7| 66.5%

LN thuần
Q4/25
31.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.6| 131%
YoY: ▲ 16.3| 111%

LN sau thuế
Q4/25
27.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.8| 101%
YoY: ▲ 13.2| 92.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
22.2%
YoY: +/-▲ 17.9%

ROE
2025
29.0%
YoY: +/-▲ 25.9%

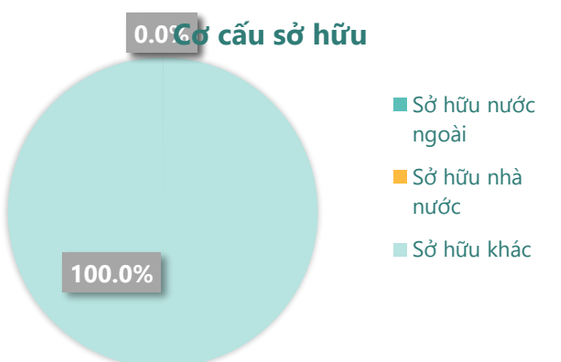
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,550 - 26,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	277
Số lượng CPLH (CP)	10,324,781
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,580
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.13)
EPS	4,287
P/E	6.3

DT thuần
2025
241
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.0| 5.2%

LN thuần
2025
48.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.8| 752%

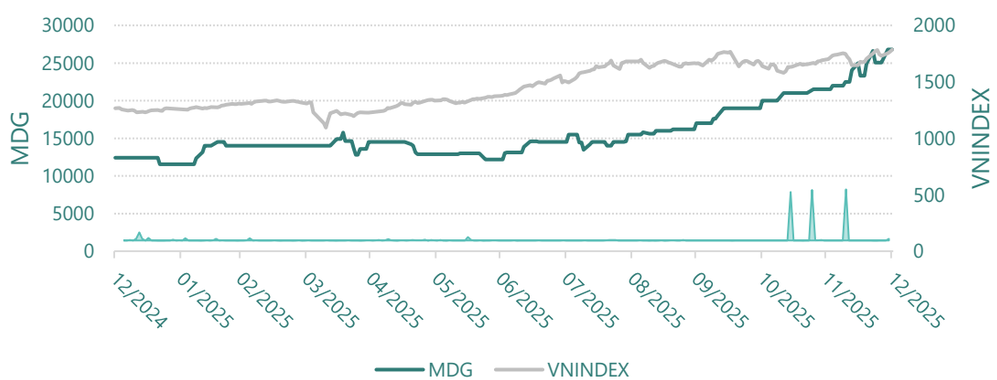
LN sau thuế
2025
44.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.3| 1013%

Cơ cấu sở hữu

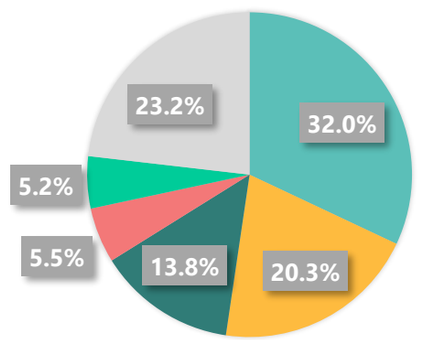


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

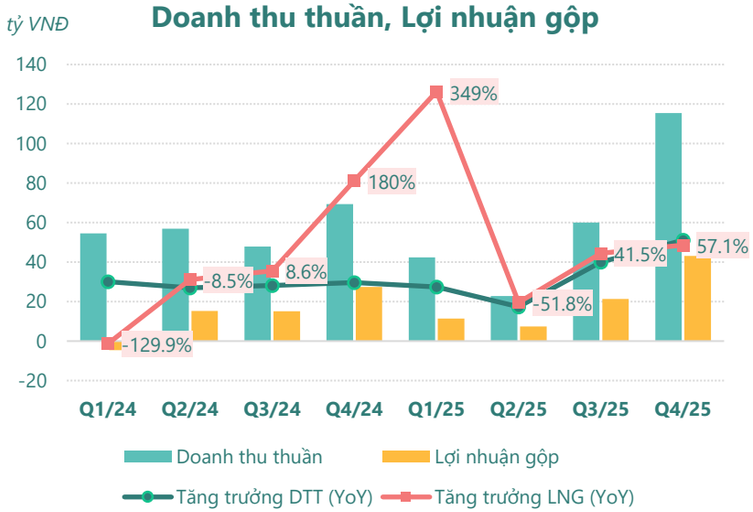


- CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2
- Hợp tác xã Phúc Tài
- CTCP Đầu tư xây dựng Phước Tiến
- Công đoàn CTCP CIC39
- CTCP Miền Đông
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

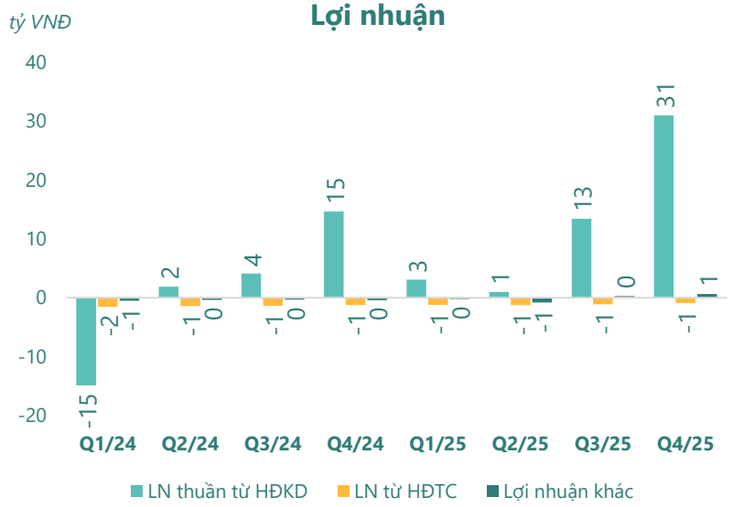
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



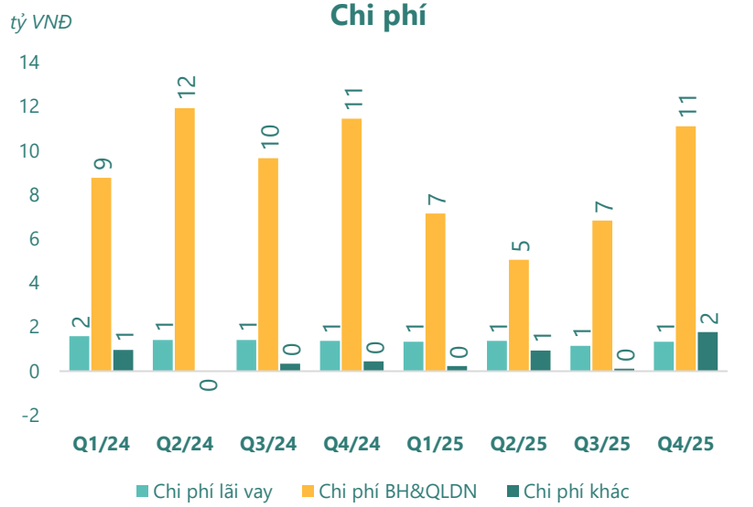
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



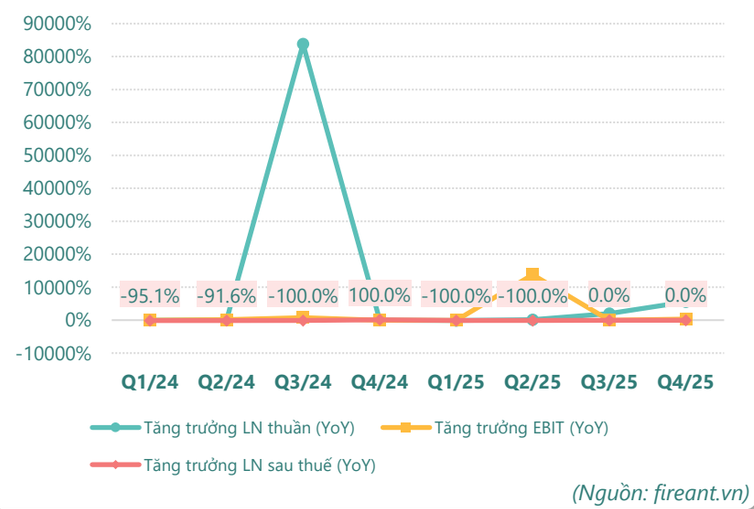
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



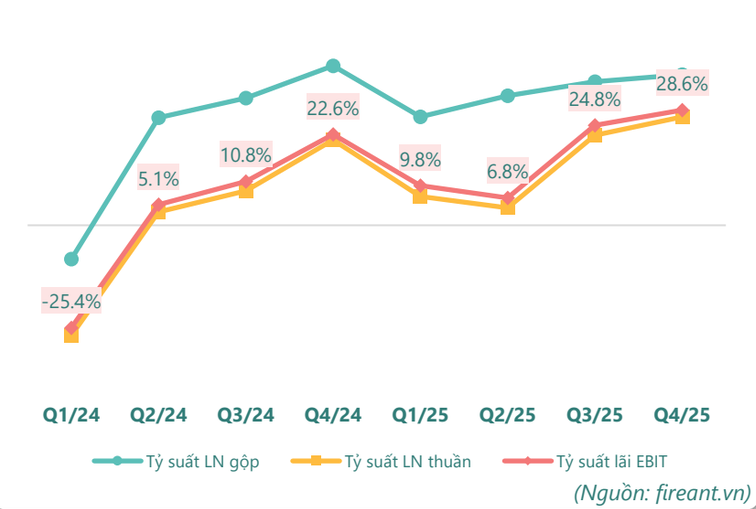
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



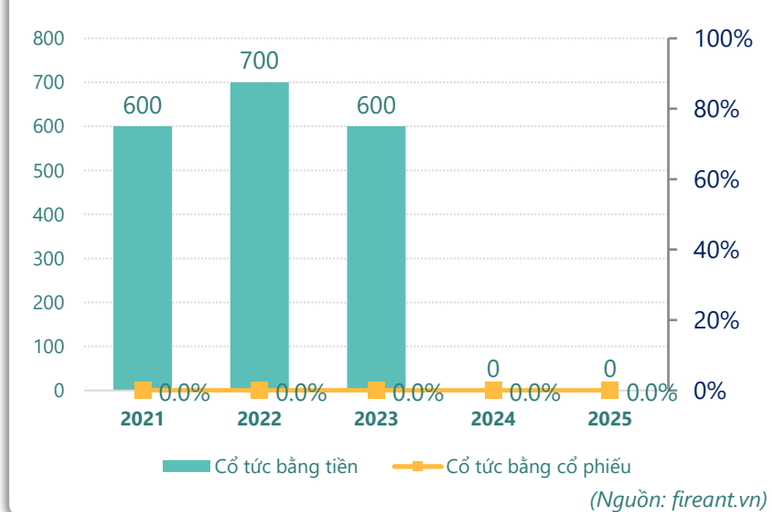
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

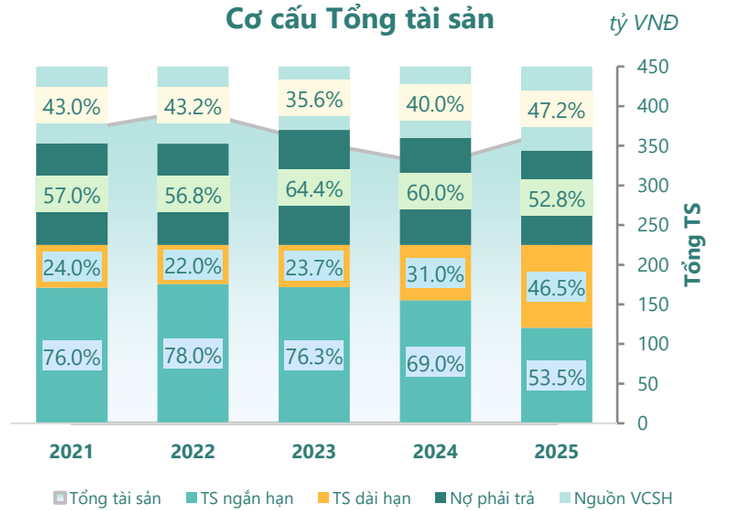
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

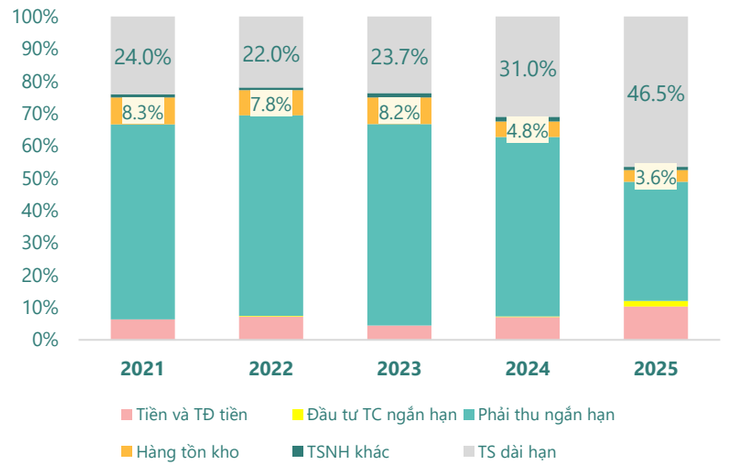
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



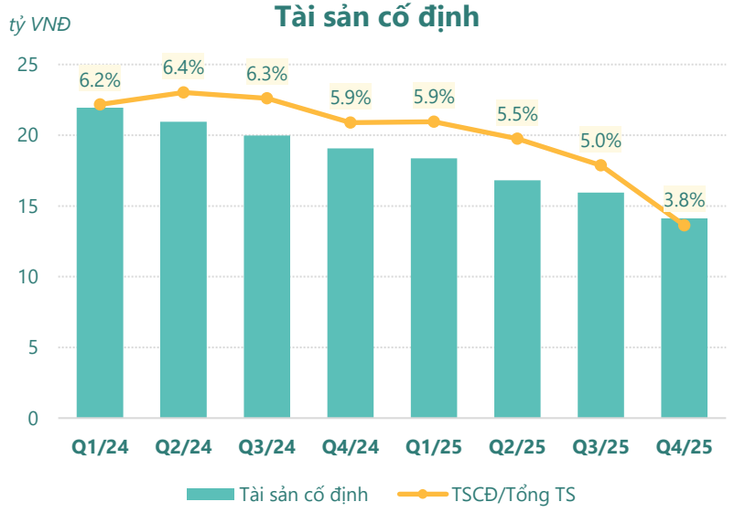
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



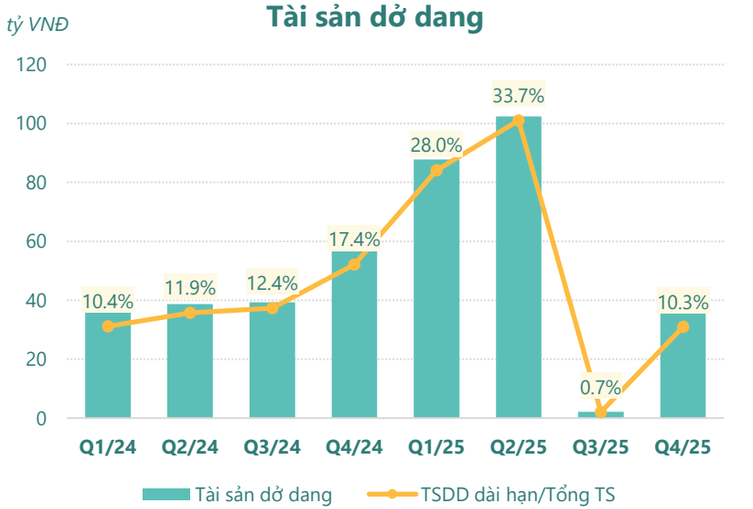
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



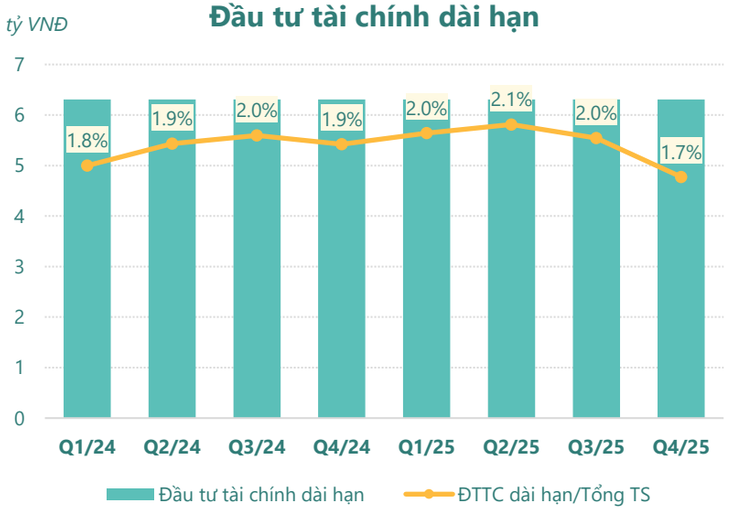
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



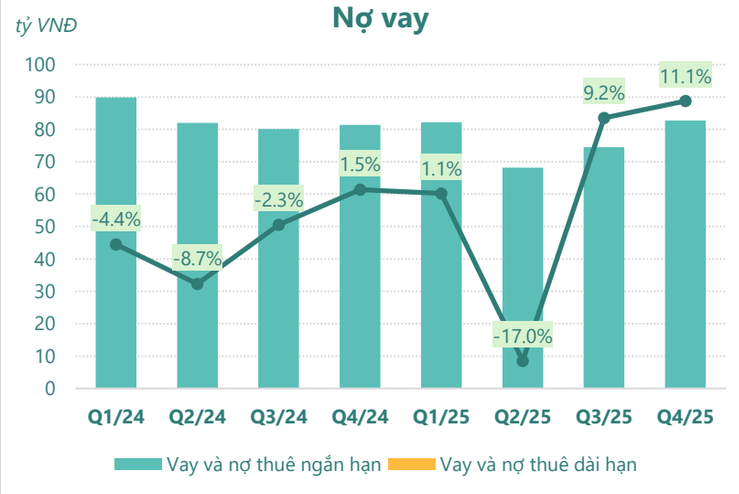
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

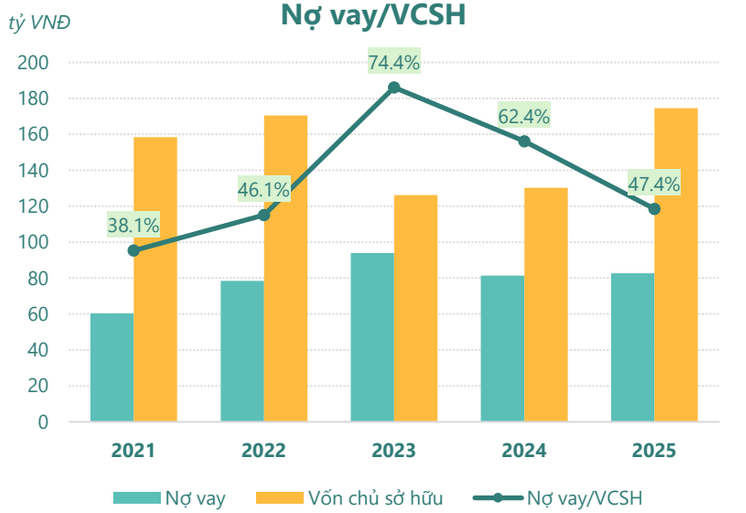
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

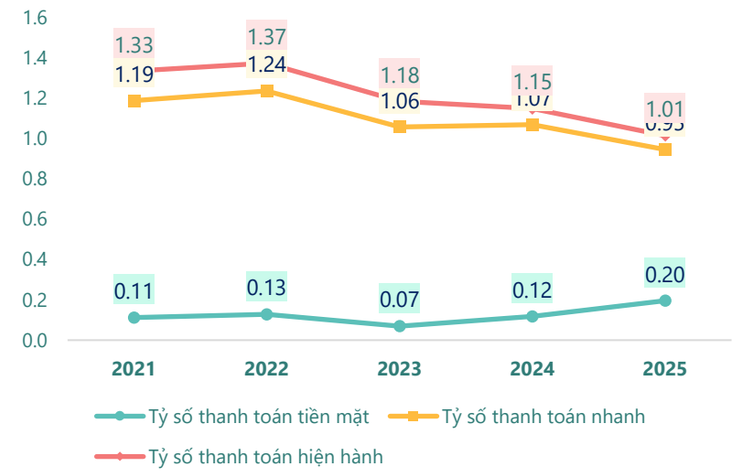
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



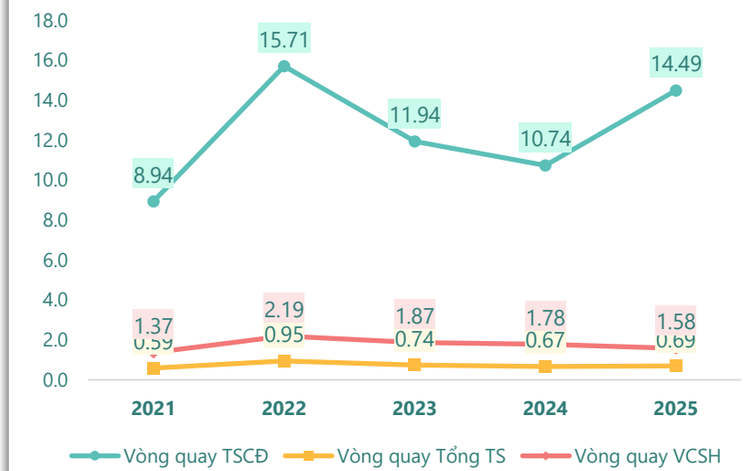
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



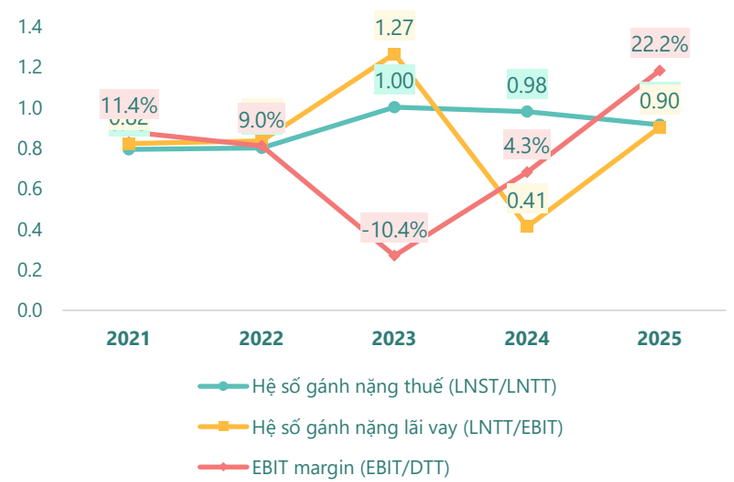
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



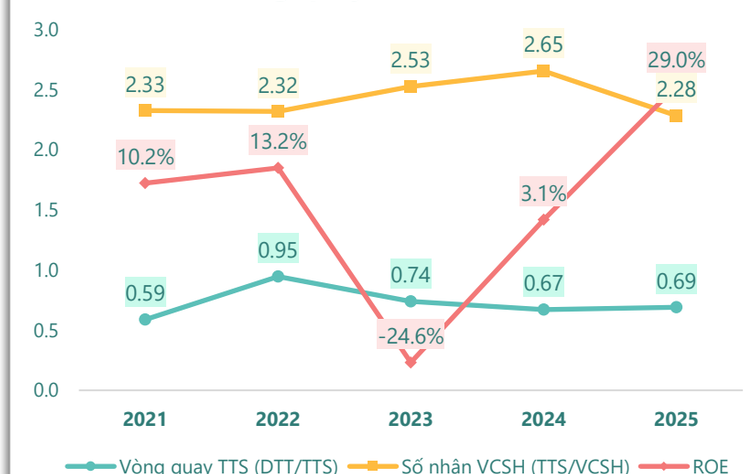
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



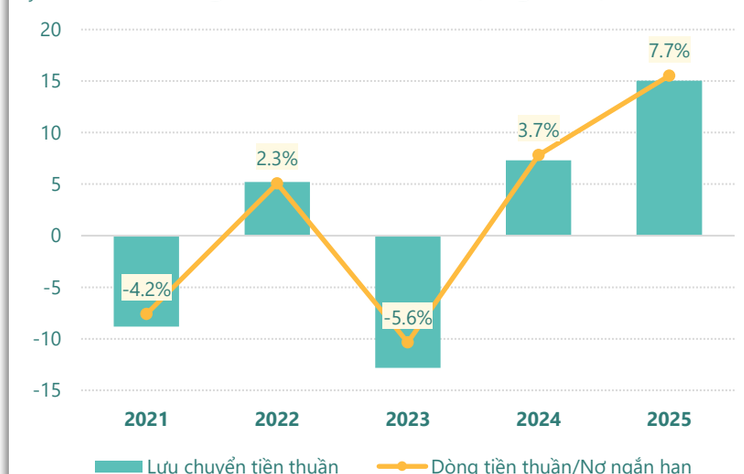
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**115**	**69.3**	**66.5%**	**241**	**229**	**5.2%**
Giá vốn hàng bán	72.3	41.9	72.6%	157	176	-10.3%
Lợi nhuận gộp	43.1	27.4	57.1%	83.2	53.1	56.5%
Doanh thu HĐTC	0.40	0.09	339%	0.62	0.23	175%
Chi phí TC	1.34	1.38	-2.9%	5.21	5.85	-10.9%
Chi phí lãi vay	1.34	1.37	-2.2%	5.20	5.79	-10.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.42	8.58	-25.2%	19.7	33.1	-40.5%
Chi phí QLDN	**4.68**	**2.87**	**63.1%**	**10.5**	**8.77**	**19.2%**
LN thuần từ HĐKD	31.0	14.7	111%	48.5	5.69	752%
Lợi nhuận khác	**0.61**	**-0.41**	**249%**	**-0.12**	**-1.63**	**92.3%**
LN trước thuế	31.6	14.3	121%	48.3	4.06	1091%
Lợi nhuận sau thuế	**27.5**	**14.3**	**92.6%**	**44.3**	**3.98**	**1013%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.5**	**14.3**	**92.6%**	**44.3**	**3.98**	**1013%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.87	27.0	22.4	-22.2	-51.5	48.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.54	-17.3	-31.2	25.1	56.1	-33.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.90	1.20	0.86	-14.0	6.31	8.24
Tiền đầu kỳ	8.85	12.3	23.2	15.2	4.13	15.1
Lưu chuyển tiền thuần	**3.43**	**10.9**	**-7.94**	**-11.1**	**10.9**	**23.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.3	23.2	15.2	4.13	15.1	38.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**370**	**326**	**13.5%**
Tài sản ngắn hạn	198	225	-12.0%
Tiền và tương đương tiền	38.2	23.2	64.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.35	0.31	1919%
Phải thu ngắn hạn	136	181	-24.6%
Hàng tồn kho	13.5	15.6	-13.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.53	4.81	-26.6%
Tài sản dài hạn	**172**	**101**	**70.2%**
Phải thu dài hạn	6.69	3.07	118%
Tài sản cố định	14.1	19.1	-25.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	38.1	56.7	-32.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.31	6.31	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**107**	**16.0**	**567%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	196	196	-0.1%
Nợ ngắn hạn	**195**	**196**	**-0.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.7	81.3	1.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	50.2	61.2	-18.0%
Nợ dài hạn	0.42	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**174**	**130**	**34.0%**
Vốn chủ sở hữu	**174**	**130**	**34.0%**
Vốn điều lệ	109	109	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)